

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/DS-ST.
Ngày 08-11-2019.
V/v thực hiện nghĩa vụ tài sản do
người chết để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Trần Ái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn A, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thanh Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 27/6, đường Chiến Lược, Khu phố 15, phường F, quận G, Thành phố H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 24-12-2018)- Có mặt

- Bị đơn:

Chị Lê Thị TH N, sinh năm 1999- Có mặt.

Cháu Lê Trần Tường M, sinh năm 2009.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1975 là người đại diện theo pháp luật của cháu M- Vắng mặt, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Chị N, cháu M, chị H cùng địa chỉ: Ấp S, xã ĐT, huyện Tr, tỉnh TN.

- Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Thanh BI, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp S, xã ĐT, huyện Tr, tỉnh TN
- Vắng mặt có đơn xin.

Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp S, xã ĐT, huyện Tr, tỉnh TN - Vắng mặt có đơn xin.

Chị Lê Hiếu TA, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp TL, xã Hiệp TH, huyện GDầu, tỉnh TN- Vắng mặt có đơn xin.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ Ấp S, xã ĐT, huyện Tr, tỉnh TN - Vắng mặt, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn ông Phạm Thanh Đ trình bày:

Vào ngày 08-11-2014 ông Lê Quốc Nghĩa (Chết ngày 17-9-2016) có vay của ông A số tiền 15.000.000 đồng, việc vay tiền có làm giấy tay do ông Y tự viết và ký tên, hai bên thỏa thuận mỗi tháng ông Y trả cho ông A 500.000 đồng tiền lãi nhưng ông Y chỉ trả được 06 tháng thì ngưng trả lãi đến khi ông Y chết. Trong giấy vay tiền ông Y hẹn 06 tháng sẽ trả, nhưng ông Y chưa trả thì ông Y đã chết.

Lúc ông A cho ông Y vay tiền thì bà TH chưa chung sống với ông Y. Ông Y vay tiền của ông A là để trả nợ cho người khác.

Khi chết ông Y có để lại tài sản là 359.805.000 đồng tiền bồi thường đất vô quy hoạch khu công nghiệp Phước Đông- Bồi Lôi. Hiện nay do những người thừa kế của ông Y là chị N và cháu M, bà H đang quản lý tài sản trên.

Tại đơn khởi kiện ông A yêu cầu mẹ con bà H, chị N và cháu M có trách nhiệm trả lại ông số tiền 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Đ thay mặt ông A bổ sung yêu cầu những người được hưởng số tiền trên gồm: Chị N, cháu M đại diện là bà H, ông BI, bà TH, chị TA có trách nhiệm trả lại cho ông A số tiền 15.000.000 đồng và không yêu cầu giải quyết số tiền lãi ông Y đã trả cho ông A. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị TH N trình bày: Chị là con của ông Lê Quốc Y (Chết ngày 17-9-2016). Hiện chị đang sống cùng mẹ là bà Trần Thị H và em gái là Lê Trần Tường M. Khi cha chị chết có để lại 01 phần đất nhưng đã vào quy hoạch khu công nghiệp Phước

Đông- Bời Lời. Khi ly hôn cha mẹ chị chưa giải quyết tài sản chung nên phần này là tài sản chung của cha mẹ chị. Hiện nhà nước đã đền bù tài sản này rồi nhưng cụ thể bao nhiêu thì chị không biết do mẹ chị là bà H đi A. Ngoài mẹ con chị ra thì còn có bà TH (Vợ sau của cha chị) và ông BI là chú ruột của chị nhận số tiền đền bù trên.

Nguyên vọng: Chị không biết số nợ này. Vì sau khi ly hôn với mẹ chị, cha chị đã có vợ sau là bà TH nên chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông A. Khi phân chia phần tiền của cha chị là ông Y để lại có bà TH, ông BI nhận tiền nên chị yêu cầu những người này cùng có trách nhiệm trả nợ cho cha chị. Tại phiên tòa chị đồng ý trả cho ông A số tiền tương ứng với phần của mình nhưng đề khi nào chị đi làm có tiền sẽ trả dần hàng tháng.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Bà là mẹ của chị Lê Thị TH N và cháu Lê Trần Tường M. Trước đây bà và ông Y là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 101 ngày 21-5-2013 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng. Khi bà và ông Y chung sống có tạo được tài sản là 01 phần đất và nhà nhưng đã vào quy hoạch khu công nghiệp Phước Đông- Bời Lời với tổng số tiền đền bù là 359.805.000 đồng. Trong đó, bà và chị N, cháu M nhận 300.000.000 đồng; còn vợ sau của ông Y là bà TH và em ruột của ông Y là ông BI nhận số tiền 59.805.000 đồng. Nay bà đại diện cháu M không đồng ý trả tiền cho ông A. Vì nợ này do ông Y sống chung với bà TH tạo ra nên bà TH phải có nghĩa vụ trả số nợ trên.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị TH thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Bà và ông Y (Chết năm 2016) chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02-2015 đến khi ông Y chết, nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy chung sống như vợ chồng nhưng bà và ông Y không có sinh hoạt kinh tế chung. Số tiền 15.000.000 đồng là ông Y vay của ông A khi bà và ông Y chưa quen nhau. Sau khi bà về chung sống với ông Y thì ông A có đến nhà lấy tiền lãi, bà hỏi thăm mẹ ông A thì mới biết là ông Y vay của ông A số tiền 15.000.000 đồng. Ông Y nói với bà là vay tiền để trị bệnh, đóng hụi và trả tiền lãi cho ai đó bà không biết. Khi ông Y chết có để lại tài sản là số tiền 359.805.000 đền bù phần đất và nhà vào quy hoạch khu công nghiệp Phước Đông- Bời Lời. Bà H và chị N, cháu M nhận 300.000.000 đồng; còn bà và em ruột của ông Y là ông BI, chị TA nhận số tiền 59.805.000 đồng. Trong đó, ông BI chia cho bà số tiền 35.000.000 đồng.

Số tiền bà được nhận là tiền đền bù công trình bà xây dựng trên đất của ông Y nên bà không đồng ý trả tiền cho ông A. Bà yêu cầu để bà H, chị N, cháu M và anh em ông BI có trách nhiệm trả cho ông A.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh BI thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Ông

là em ruột của ông Y (Chết năm 2016). Ông không biết ông A và cũng không biết việc ông Y vay của ông A số tiền 15.000.000 đồng. Khi ông Y chết có để lại tài sản là số tiền 359.805.000 đền bù phần nhà đất vào quy hoạch khu công nghiệp Phước Đông-Bời Lời. Bà H và chị N, cháu M nhận 300.000.000 đồng; còn ông và chị TA, bà TH nhận số tiền 59.805.000 đồng. Trong đó, ông nhận khoản 15.000.000 đồng hay 17.000.000 đồng gì đó, ông không nhớ rõ.

Nguyên vọng: Số tiền của ông nhận không có bao nhiêu nên ông không đồng ý trả tiền cho ông A, ông yêu cầu bà H, chị N và cháu M có trách nhiệm trả tiền cho ông A.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Hiếu TA thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Chị là em ruột của ông Y, chị không biết ông A và cũng không biết việc ông Y nợ tiền ông A. Khi chết ông Y có để lại tài sản là 359.000.000 đồng tiền bồi thường đất vô quy hoạch khu công nghiệp Phước Đông- Bời Lời. Ông BI và bà TH tham gia hòa giải tại xã Đôn Thuận có thỏa thuận là tổng số tiền đền bù là 359.000.000 đồng; mẹ con bà H, N và M hưởng số tiền 300.000.000 đồng; còn anh em chị và bà TH hưởng số tiền 59.000.000 đồng. Sau đó, chị được ông BI chia số tiền 9.000.000 đồng, phần còn lại ông BI và bà TH chia nhau, cụ thể bao nhiêu thì chị không biết. Phần của chị và ông BI hưởng là phần thừa kế của mẹ chị là bà Phan Thị Bức (Chết ngày 13-6-2018 (AL)). Chị không có đi tham gia hòa giải và cũng không có đi A tiền. Tiền do ông BI, bà TH trực tiếp đi A rồi về mới chia lại cho chị.

Nay ông A khởi kiện những người thừa kế của ông Y trả lại số tiền anh Y nợ ông A là 15.000.000 đồng, ý kiến của chị là mẹ con bà H, N, M hưởng số tiền 300.000.000 đồng của anh Y để lại thì phải có trách nhiệm trả nợ cho ông A. Phần của chị hưởng không bao nhiêu nên chị không đồng ý trả số tiền cho ông A.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà TH, ông BI, chị TA đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 637, 675 Bộ luật Dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với số tiền vay 15.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông A về việc yêu cầu bà Thuý cùng trả tiền cho ông A. Chấp nhận yêu cầu của ông A yêu cầu chị N, cháu M đại diện là bà H, ông BI, chị TA trả cho ông A số tiền 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị TH, ông Lê Thanh BI, chị Lê Hiếu TA vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà Trần Thị H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn có tình vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà TH, ông BI, chị TA, bà H là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn A:

Theo lời khai của đại diện nguyên đơn, do quen biết nên ngày 08-11-2014 ông Lê Quốc Y (Chết ngày 17-9-2016) có vay của ông A số tiền 15.000.000 đồng, việc vay tiền có làm giấy tay do ông Y tự viết và ký tên, việc vay tiền hai bên thỏa thuận mỗi tháng ông Y trả cho ông A 500.000 đồng tiền lãi, khi vay hạn 06 tháng sau trả lại, nhưng ông Y chưa trả thì ông Y đã chết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đều không thừa nhận việc ông Y có nợ tiền của ông A. Nên người đại diện của ông A đã yêu cầu giám định chữ ký của ông Lê Quốc Y dưới phần “người mượn” trong giấy mượn tiền vào ngày 08-11-2014 mà ông A đã nộp cho Tòa án. Tại kết luận giám định số 282 ngày 30-9-2019 của Viện Khoa học Hình sự- Bộ Công an kết luận chữ ký dưới phần “người mượn” trong giấy mượn tiền vào ngày 08-11-2014 là của ông Lê Quốc Y. Từ đó có căn cứ cho thấy việc ông Y vay tiền ông A là có thật.

[2.2] Xét lời trình bày của chị N, bà H cho rằng số tiền 15.000.000 đồng ông Y vay của ông A là nợ chung của ông Y, bà TH. Tuy nhiên, bà TH và ông Y chung sống không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, giấy nợ ngày 08-11-2014 mà ông A nộp chỉ do một mình ông Y viết và ký tên. Do đó, có đủ cơ sở xác định đây là nợ riêng của ông Y.

[2.3] Về tài sản do ông Y để lại: Qua lời khai của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều trình bày rằng ông Y chết để lại số tiền đền bù đất là 359.805.001 đồng. Theo Quyết định số 5373 ngày 08-11-2018 của Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các đồng thừa kế của ông Lê Quốc Y tổng số tiền là 359.805.001 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 29-01-2019 tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Trảng Bàng chị Lê Thị

TH N đã nhận số tiền 300.000.000 đồng, ông Lê Thanh BI và bà Nguyễn Thị TH nhận số tiền 59.805.001 đồng. Qua làm việc với các đương sự thừa nhận, hiện chị N, bà H đang trực tiếp quản lý số tiền 300.000.000 đồng. Về phần ông BI, bà TH và chị TA đã phân chia và quản lý số tiền 59.805.001 đồng; cụ thể: Bà TH nhận 35.000.000 đồng; chị TA nhận 9.000.000 đồng và ông BI nhận phần còn lại. Do đó, chị N, bà H, bà TH, ông BI, chị TA phải có trách nhiệm trả tiền cho ông A tương ứng với phần mình đã nhận. Riêng cháu M tuy là hàng thừa kế thứ nhất của ông Y nhưng hiện cháu còn nhỏ đang sống cùng bà H và không có quản lý số tiền ông Y để lại nên Hội đồng xét xử không buộc cháu phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông A.

[2.4]. Tại thời điểm ông Y chết là ngày 17-9-2016 thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Y gồm có 03 người: Chị N, cháu M và bà Bức. Đến ngày 13-6-2018 (AL), bà Bức chết nên ông BI xảy ra tranh chấp và yêu cầu giải quyết chia thừa kế tài sản của ông Y để lại tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Thuận, ông yêu cầu được hưởng phần của bà Bức. Tại buổi hòa giải, các đương sự đã tự thỏa thuận chia tài sản với nhau và các bên cũng đã nhận tài sản xong. Tuy ông BI, chị TA và bà TH không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Y, nhưng cả ông BI, bà TH, chị TA đều thừa nhận có hưởng 01 phần trong số tiền bồi thường do ông Y để lại nên phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản của ông Y tương ứng với phần mình đã nhận. Xét lời trình bày của bà TH cho rằng phần tiền được nhận là tài sản bà xây dựng trên đất của ông Y nhưng bà lại không cung cấp cho Tòa án bất cứ chứng cứ gì để chứng minh lời trình bày trên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, việc ông A khởi kiện yêu cầu những người đã nhận tài sản của ông Y để lại trả lại số tiền 15.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 637 Bộ luật Dân sự năm 2005, nên hội đồng xét xử chấp nhận

Số tiền 15.000.000 đồng ông Y nợ ông A là nghĩa vụ của ông Y sẽ được chia như sau: 15.000.000 đồng : 3 phần = 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Trách nhiệm cụ thể được xác định là:

- Chị Lê Thị TH N và bà Trần Thị H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi tài sản ông Y để lại trả cho ông Hồ Văn A số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- Ông Lê Thanh BI, chị Lê Hiều TA, bà Nguyễn Thị TH có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi tài sản ông Y để lại liên đới trả cho ông Hồ Văn A số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu) đồng. (Trong đó: Ông BI có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 1.270.000 đồng, chị TA có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 765.000 đồng, bà TH có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 2.965.000 đồng).

[3] Chi phí giám định chữ ký: Chi phí giám định chữ ký của ông Lê Quốc Y trong các vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-DS ngày 20/3/2019; 100/2019/TLST-DS ngày 12/4/2019 và 110/2019/TLST-DS ngày 19/4/2019 chung là 5.072.000 đồng. Như vậy, chi phí giám định trong vụ án này là 1.690.600 đồng, nguyên đơn đã nộp toàn bộ chi phí này. Do yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí giám định theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Cụ thể như sau:

- Chị Lê Thị TH N và bà Trần Thị H có trách nhiệm trả lại cho ông A số tiền 1.127.000 đồng.

- Ông Lê Thanh BI, chị Lê Hiếu TA, bà Nguyễn Thị TH có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông A số tiền 563.500 đồng. (Trong đó: Ông BI có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 143.000 đồng, chị TA có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 86.500 đồng, bà TH có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 334.000 đồng).

[5] Như phân tích trên có cơ sở chấp nhận 01 phần đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Án phí: Chị Lê Thị TH N, bà Trần Thị H, ông Lê Thanh BI, chị Lê Hiếu TA, bà Nguyễn Thị TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, 474, 634; 635; 637; 676 Bộ luật dân sự 2005; Điều 227, 228, 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn A.

- Buộc chị Lê Thị TH N và bà Trần Thị H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi tài sản ông Y để lại trả cho ông Hồ Văn A số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- Buộc ông Lê Thanh BI, chị Lê Hiếu TA, bà Nguyễn Thị TH phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi tài sản ông Y để lại liên đới trả cho ông Hồ Văn A số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu) đồng. (Trong đó: Ông BI có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 1.270.000 đồng, chị TA có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 765.000 đồng, bà TH có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 2.965.000 đồng).

2. Về chi phí giám định chữ ký:

- Chị Lê Thị TH N, bà Trần Thị H có trách nhiệm trả lại cho ông A số tiền 1.127.000 đồng.

- Ông Lê Thanh BI, chị Lê Hiếu TA, bà Nguyễn Thị TH có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông A số tiền 563.500 đồng. (Trong đó: Ông BI có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 143.000 đồng, chị TA có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 86.500 đồng, bà TH có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 334.000 đồng).

3. Về án phí:

- Chị Lê Thị TH N; bà Trần Thị H phải chịu chung số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Thanh BI, chị Lê Hiếu TA, bà Nguyễn Thị TH có trách nhiệm liên đới chịu chung số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Ông A, chị N có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Cháu M đại diện là bà H, ông BI, chị TA, bà TH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy